THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 512/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi phía Bắc, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững cùng với tái cơ cấu kinh tế một cách hợp lý để phát huy và khai thác có hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng của Tỉnh. Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và sức mạnh của các tiểu vùng, ngành động lực tăng trưởng.

3. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và dịch vụ là hai trụ cột trong phát triển kinh tế nhằm tạo dựng vững chắc cơ cấu nền kinh tế theo

hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp ở giai đoạn sau năm 2020. Hoàn thiện đồng bộ mạng lưới giao thông, nâng cao trình độ người lao động và cải cách hành chính là ba khâu trọng yếu để thúc đẩy phát triển.

4. Tăng cường liên kết kinh tế giữa Cao Bằng với các tỉnh miền núi Đông Bắc bộ và các tỉnh phía Tây và Tây Nam Trung Quốc làm động lực tháo gỡ khó khăn trong phát triển kinh tế.

5. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên các lợi thế về điều kiện tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, lịch sử, xã hội và được vận hành trên cơ sở nền hành chính cải cách theo hướng cởi mở, thân thiện. Đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người đạt mức khá trong khu vực và khoảng cách ngày càng được rút ngắn so với mức trung bình cả nước; đời sống tinh thần được duy trì và phát triển trên cơ sở nền văn hóa đa dân tộc; nền an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội, môi trường sống của người dân luôn được củng cố và cải thiện vững chắc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt khoảng 13,8%/năm giai đoạn đến năm 2015, khoảng 14,2%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và khoảng 13,4%/năm giai đoạn 2021 - 2025; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân từ 18 - 20%/năm.

- Đến năm 2015: Cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 30,5%, 45,3% và 24,2%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 1.179 USD/năm; thu ngân sách đạt khoảng 1.500 tỷ đồng/năm.

- Đến năm 2020: Cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 33,4%, 46,6% và 20,2%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.484 USD/năm; thu ngân sách đạt khoảng 4.300 tỷ đồng/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2025: Cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 33,3%, 50% và 16,7%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.143 USD/năm.

b) Về xã hội:

Phấn đấu tốc độ tăng dân số khoảng 0,6%/năm; tạo việc làm mới bình quân mỗi năm khoảng 9.500 người; giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 3%/năm.

- Đến năm 2015: Phấn đấu 14% (90/657) số trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 75% số trường dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 34%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 20%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 40%; tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình đạt 100%; 60% xã, thị trấn có nhà văn hóa và 100% làng bản có nhà văn hóa; 80% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; phấn đấu mỗi huyện có từ 01 đến 02 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Đến năm 2020: Phấn đấu 28% số trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 100% số trường dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia; đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục phổ thông trung học. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50 - 55%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 18%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 60%; 100% xã, thị trấn có nhà văn hóa; 85% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới chiếm khoảng 20%.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ của rừng trên 55% năm 2015 và trên 60% năm 2020.

- Đến năm 2015: 87% dân số đô thị được dùng nước sạch, 86% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Phấn đấu đến năm 2020, 100% dân số đô thị, trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; có 100% đô thị có quy hoạch bãi rác thải và thực hiện công tác thu gom rác thải; trên 60% các khu đô thị và trên 80% các cơ sở có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; đảm bảo 100% địa bàn dân cư có môi trường nước, môi trường không khí và ô nhiễm chất thải rắn trong điều kiện tiêu chuẩn cho phép.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 4%/năm giai đoạn 2011 - 2015, đạt 3%/năm giai đoạn 2016 - 2020, đạt 3,5%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Nông nghiệp: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở kết hợp mô hình trang trại quy mô vừa và nhỏ với kinh tế hộ gia đình; đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, đưa giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất; xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến các mặt hàng nông sản chủ lực có sức cạnh tranh trên thị trường, trọng tâm là phát triển cây lúa nước và ngô lai; chú

trọng phát triển những cây trồng thích hợp với điều kiện của Tỉnh như: Thuốc lá, mía, đậu tương, các loại rau; tiếp tục phát triển các loại cây ăn quả như: Cam, quýt, lê, mận, nhãn, hạt dẻ, hồng không hạt gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Chăn nuôi: Tập trung chủ yếu vào phát triển đàn bò, trâu, lợn, dê theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại; phấn đấu tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp chiếm 34% vào năm 2015, chiếm 40% vào năm 2020 và chiếm 45% vào năm 2025.

- Lâm nghiệp: Phát triển theo hướng thâm canh, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở xây dựng lâm phận với cơ cấu hợp lý giữa rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung thâm canh gắn với cơ sở chế biến, đồng thời khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng để nâng giá trị đóng góp của ngành lâm nghiệp lên khoảng 3 - 3,5% trong tổng GDP vào cuối kỳ quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2020, diện tích rừng trồng mới là 34.321 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng là 4.974 ha, rừng sản xuất là 29.347 ha.

- Thủy sản: Khai thác diện tích mặt nước hiện có, tiếp tục cải tạo các hồ thủy lợi kết hợp nuôi trồng thủy sản tập trung; chú trọng phát triển các giống các đặc sản như: Cá nước lạnh (Phja Đén), cá nước mát ở Phục Hòa; phát triển mô hình nuôi cá trên ruộng trồng lúa nước, nuôi cá lồng trên sông và ở các hồ.

2. Phát triển ngành công nghiệp - xây dựng:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13,5% vào năm 2015, đạt 15% vào năm 2020.

- Khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản gắn liền với các cơ sở chế biến, đáp ứng một số nguyên liệu, nhiên liệu thiết yếu cho sản xuất trong và ngoài tỉnh. Tập trung thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên khoáng sản; nghiên cứu đánh giá chi tiết về tiềm năng các loại khoáng sản chủ yếu như: Quặng sắt, quặng mangan, quặng chì - kẽm; đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao mức độ cơ giới hóa các cơ sở sản xuất nhỏ nhằm hạn chế tổn thất tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Các khoáng sản chính có triển vọng khai thác theo quy mô công nghiệp bao gồm có quặng sắt (50 triệu tấn), quặng mangan (6,65 triệu tấn), đá vôi v.v...

- Sản xuất và phân phối điện: Rà soát lại quy hoạch hệ thống thủy điện vừa và nhỏ, tập trung nguồn lực hoàn thành các dự án thủy điện đang triển khai; nghiên cứu đưa vào ứng dụng sản xuất điện bằng các dạng năng lượng mới đối với các xã vùng sâu, vùng xa, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hệ thống điện hạ thế, thực hiện tốt nội dung quy hoạch phát triển điện lực theo từng giai đoạn.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng và chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên địa bàn Tỉnh; tổ chức tốt việc khai thác các loại vật liệu sẵn có tại địa phương như: Đá, cát, sỏi.

- Tiếp tục phát triển ngành nghề thủ công, các làng nghề truyền thống sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp và nông thôn.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng khu công nghiệp Đề Thám; nghiên cứu triển khai các cụm công nghiệp như: Miền Đông I, Thông Huề, Hòa An...

3. Phát triển thương mại và dịch vụ:

- Phát triển thương mại, dịch vụ phải gắn với việc quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch và đô thị mới nhằm phát triển đồng bộ và phát triển bền vững. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17% vào năm 2015, đạt 16% vào năm 2020.

- Thương mại: Kết hợp phát triển thương mại truyền thống với đầu tư xây dựng mạng lưới thương mại văn minh, hiện đại thông qua hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị. Hoàn thiện hệ thống chợ của các thị trấn, phường, xã theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán phục vụ sản xuất và tiêu dùng của dân cư. Phát triển hệ thống mạng lưới siêu thị và trung tâm thương mại phù hợp với quy hoạch đô thị và đảm bảo nhu cầu mua sắm của dân cư; đa dạng hóa các loại hình, quy mô và phương thức kinh doanh.

- Du lịch: Tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng để tận dụng và phát huy tốt giá trị của các tài nguyên thiên nhiên, các di tích lịch sử và văn hóa đặc thù của các dân tộc trong Tỉnh; tăng cường đầu tư các khu du lịch như Thác Bản giốc, Động Ngườm Ngao; Pác Bó... nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Dịch vụ vận tải: Đảm bảo lưu thông thông suốt nội tỉnh và liên tỉnh đồng thời tập trung phát triển hệ thống kho vận để hướng tới Cao Bằng là nơi trung chuyển hàng hóa trong mạng lưới phát triển dịch vụ, thương mại trong và ngoài nước.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, các lối mở và cặp chợ biên giới, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trở thành vùng kinh tế trọng điểm của Tỉnh; tập trung khai thác có hiệu quả các hoạt động thương mại, du lịch dịch vụ tại các cửa khẩu và chợ biên giới. Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại các cửa khẩu.

4. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội:

a) Giáo dục, đào tạo:

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở và tiểu học đúng độ tuổi, tiếp tục phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Nghiên cứu thành lập trường Cao đẳng Cao Bằng trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm Cao Bằng, trường Cao đẳng nghề miền Đông trên

cơ sở nâng cấp trường Trung cấp nghề cụm huyện miền Đông, thành lập 03 trường trung cấp nghề trên cơ sở nâng cấp trung tâm dạy nghề Thị xã, trung tâm dạy nghề huyện Thạch An và trung tâm dạy nghề huyện Phục Hòa;

b) Y tế

Tiếp tục nâng cấp và mở rộng mạng lưới y tế từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; đầu tư hoàn thành bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện huyện, trạm y tế xã. Nghiên cứu xây dựng thêm một số bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng, bệnh viện Sản - Nhi, bệnh viện Tâm thần; nâng cấp Trung tâm Nội tiết thành bệnh viện Nội tiết. Nghiên cứu nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền theo hướng đa khoa, xây mới trung tâm Y tế dự phòng đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Y tế.

c) Văn hóa, thể dục thể thao:

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, phát triển các hoạt động lễ hội truyền thống; tăng cường liên kết với các tỉnh vùng Đông Bắc trong việc duy trì, bảo tồn điệu hát Then tạo tiền đề đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch văn hóa; từng bước xóa bỏ hủ tục, mê tín dị đoan, phát triển các hình thức văn hóa quần chúng, văn hóa dân gian. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển ngành văn hóa.

- Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trường học. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng của một số môn thể thao mang tính truyền thống và có thế mạnh của địa phương như: Điền kinh, võ cổ truyền, bóng rổ; tiếp tục nghiên cứu mở rộng đào tạo tập trung đối với một số môn: Võ, bóng bàn, cầu lông, bắn súng, đẩy gậy và boxing (nữ). Chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế cần thiết cho các hoạt động thể thao cộng đồng ở cấp huyện, xã và thể thao thành tích cao của Tỉnh.

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm:

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án xóa đói giảm nghèo; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để cùng với sự trợ giúp của cộng đồng vươn lên thoát nghèo bền vững. Phát triển các hoạt động an sinh xã hội đồng thời thực hiện tốt các chính sách chăm sóc người có công với nước, các chính sách về quyền trẻ em, đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, mở mang các ngành nghề mới, nhằm đẩy mạnh chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng:

a) Giao thông:

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 4A, quốc lộ 34, quốc lộ 4C, đường nối quốc lộ 3 với quốc lộ 4A (tuyến tránh thành phố Cao Bằng). Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường ra cửa khẩu, đường đến các khu du lịch, các tuyến tỉnh lộ, các tuyến đường xã, liên xã đảm bảo đi lại được bốn mùa phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn. Nghiên cứu việc xây dựng sân bay Cao Bằng, đường cao tốc Cao Bằng - Lạng Sơn, quốc lộ 3 (đoạn Bắc Kạn - Cao Bằng) theo hướng tuyến mới tránh các đèo phù hợp với quy hoạch và nhu cầu vận tải.

b) Cấp điện

Nâng cao năng lực cung cấp điện, phấn đấu đến năm 2020, nâng tổng quy mô công suất trạm 220 KV lên 2x125 MVA, xây dựng đường dây 220 KV mạch đơn Cao Bằng - Lạng Sơn dài 125 km, cải tạo, mở rộng, nâng công suất của 04 trạm biến áp 110 KV với tổng công suất tăng thêm 97 MVA, gồm trạm Nguyên Bình; trạm Gang Thép, trạm Quảng Uyên và trạm Hòa An.

c) Thủy lợi, cấp, thoát nước:

- Bảo vệ, khai thác hiệu quả và phát triển bền vững tài nguyên nước, chủ động phòng chống, hạn chế đến mức thấp nhất tác hại do nước gây ra. Triển khai thực hiện theo tiến độ các dự án thủy lợi, trong đó chú trọng các công trình mang tính chất bền vững như các hồ chứa nước: Hồ Khuổi Khoán (huyện Hòa An), hồ Khuổi Kỳ (huyện Hà Quảng), hồ Nà Lái (huyện Quảng Uyên); các hồ thuộc hệ thống hồ chứa nước vùng sông Gâm, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Quây Sơn, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Bắc Vọng, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Bằng; đầu tư gia cố đập hồ và nâng cấp hệ thống kênh mương;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước cho thành phố Cao Bằng, các thị trấn, thị tứ và các khu dân cư đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân. Nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp tập trung cho các đô thị, các bệnh viện; xây dựng hệ thống thu gom và xử lý rác thải tại các đô thị.

d) Bưu chính viễn thông, thương mại điện tử và công nghệ thông tin:

- Tiếp tục phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã; hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ đến tận tay khách hàng và nâng cao chất lượng, kết hợp dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng viễn thông, ứng dụng công nghệ hiện đại có độ bao phủ rộng khắp với dung lượng lớn và chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ. Phân bổ các công trình viễn thông một cách hợp lý, đặc biệt là hệ thống trạm thu phát tín hiệu, hệ thống cáp quang đồng trục. Xây dựng lộ trình đến năm 2020 thực hiện cáp quang hóa đến 100% các xã và ngầm hóa hệ thống hạ tầng viễn thông để đảm bảo lợi ích lâu dài và đáp ứng nhu cầu về an ninh, quốc phòng trong quá trình phát triển.

- Phấn đấu các doanh nghiệp lớn tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với doanh nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp với doanh nghiệp.

6. Quốc phòng - an ninh:

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị để phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân. Bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống các loại tội phạm xâm hại đến an ninh quốc gia, đẩy lùi tệ nạn xã hội, kiềm chế tai nạn giao thông.

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện chiến đấu, thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ, chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc.

- Xây dựng đường biên giới Việt - Trung hòa bình, hữu nghị, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo với Trung Quốc để phát triển kinh tế - xã hội.

7. Bảo vệ môi trường

Chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì diện tích rừng, góp phần giảm xói mòn và sạt lở đất. Tăng cường kiểm soát và xử lý các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát ô nhiễm chất thải rắn và khí thải công nghiệp; quản lý chặt chẽ khai thác khoáng sản đồng thời có biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động khai khoáng gây ra.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển các vùng kinh tế:

a) Tiểu vùng giữa (vùng I), bao gồm thành phố Cao Bằng và các huyện Hòa An, Nguyên Bình và Hà Quảng được xác định là vùng trung tâm phát triển của Tỉnh. Định hướng phát triển thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ; phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông sản; là trung tâm tập kết và phân phối hàng hóa đi các khu công nghiệp, khu cửa khẩu qua hệ thống trung tâm thương mại, chợ đầu mối; phát triển

nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, nông nghiệp sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa.

b) Tiểu vùng phía Đông (vùng II), bao gồm các huyện Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Uyên, Phục Hòa, Thạch An được định hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và công nghiệp chế biến nông sản; đầu tư cơ sở hạ tầng các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh nhằm đẩy mạnh giao thương biên giới; phát triển du lịch sinh thái, lễ hội nghỉ dưỡng theo các tuyến Cao Bằng - Trà Lĩnh, Cao Bằng - Trùng Khánh, Cao Bằng - Quảng Uyên; phát triển nông nghiệp theo hướng trồng cây công nghiệp (mía, thuốc lá), phát triển chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất xen kẽ với rừng trồng cây bản địa; phát triển công nghiệp chế biến nông sản quy mô lớn.

c) Tiểu vùng phía Tây (tiểu vùng III), bao gồm các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông được xác định là vùng chậm phát triển; định hướng phát triển trồng rừng sản xuất, trồng cỏ và phát triển chăn nuôi trâu, bò theo hình thức công nghiệp tập trung; phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, thủy điện nhỏ.

2. Phát triển khu vực đô thị

Định hướng phát triển thành phố Cao Bằng trở thành đô thị hiện đại, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tỉnh, nâng cấp và mở rộng thị trấn Tà Lùng thành thị xã Tà Lùng, đạt đô thị loại IV; đầu tư mở rộng thị trấn Nước Hai để trở thành thị xã Hòa An; chuẩn bị các điều kiện cho sự hình thành thị xã Trà Lĩnh vào giai đoạn sau năm 2020 trên cơ sở nâng cấp thị trấn Hùng Quốc hiện nay; nghiên cứu hình thành thêm một số thị trấn mới tại các huyện giáp biên giới, có cửa khẩu, khu công nghiệp tập trung hoặc có khả năng phát triển du lịch sinh thái, nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch và nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện được các mục tiêu đô thị hóa trong thời kỳ quy hoạch.

3. Phát triển khu vực nông thôn:

- Tiến hành sắp xếp, bố trí, tổ chức lại khu vực dân cư nông thôn theo hướng hình thành khu vực tập trung dân cư nông thôn hoặc là bán nông thôn theo mô hình nông thôn mới. Làm thí điểm từ nay đến 2015 và triển khai đại trà vào giai đoạn sau; mô hình tập trung dân cư có quy mô trên dưới 100 hộ, khu vực tập trung dân cư bán nông thôn (các xã thuộc thành phố Cao Bằng) quy mô dân cư lớn từ trên 200 hộ dân.

- Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật để nâng cao đời sống của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ người dân nông thôn phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập. Phấn đấu đến năm 2020, tất cả các điểm dân cư nông thôn tập trung đều có đường giao thông thuận tiện và được cấp điện sinh hoạt đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người dân.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tăng cường liên kết vùng:

- Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Mở rộng hợp tác, liên kết chặt chẽ, chủ động hành động để cùng các địa phương lân cận và các địa phương vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ phát triển các quan hệ liên kết kinh tế để thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại vùng Đông Bắc (Việt Nam) với vùng phía Nam (Trung Quốc); đồng thời áp dụng cơ chế, chính sách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế để khai thác tối đa lợi thế so sánh của Tỉnh.

- Từng bước xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng và các cửa khẩu khác theo hướng văn minh, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hóa và phát triển du lịch; chủ động tăng cường quan hệ hợp tác với Trung Quốc, đặc biệt với tỉnh Quảng Tây trên các lĩnh vực.

2. Giải pháp huy động vốn:

- Nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện Quy hoạch dự kiến khoảng 282 nghìn tỷ đồng cho cả giai đoạn đến năm 2025. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, các dự án trọng điểm. Đồng thời cần có các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước; huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nguồn vốn từ dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài; tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư, chú trọng huy động vốn từ khai thác quỹ đất, vốn vay ODA, xã hội hóa đầu tư.

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương đối với khu vực cửa khẩu và các khu công nghiệp, tranh thủ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương khó khăn.

- Huy động nhiều nguồn vốn (nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi, vốn vay nước ngoài trả chậm hoặc thuê tài chính, vốn đầu tư trực tiếp FDI, ODA...) và sử dụng có hiệu quả, xử lý đồng bộ các nguồn vốn trung hạn và dài hạn để đảm bảo sản xuất ổn định và phát triển.

3. Cơ chế, chính sách, cải cách hành chính:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và nghiên cứu đề xuất chính sách nhằm ưu tiên đầu tư phát triển cho Cao Bằng trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính một cách hiệu quả, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đi liền với hoàn thiện quy chế quản lý nhà nước ở cấp cơ sở, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo và đào tạo lại, đào tạo đáp ứng tình hình hội nhập mới.

- Tổ chức bộ máy theo hướng tinh giản, có hiệu lực cao trong quản lý, điều hành, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện. Phân cấp, phân quyền cho các cấp, cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, phát huy dân chủ cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp; xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các quy chế, cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo đáp ứng nhu cầu phát triển.

4. Khoa học công nghệ:

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ trong những ngành có lợi thế của Tỉnh như khai thác, chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm, thủy sản; chế biến thực phẩm. Mở rộng hình thức liên kết hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và các trường đại học nhằm đưa khoa học công nghệ vào thực tế cuộc sống.

- Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của Tỉnh, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trong các lĩnh vực công nghệ, quản trị, kinh doanh, bảo vệ môi trường. Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ đáp ứng kịp thời công tác nghiên cứu triển khai.

- Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, đầu tư đổi mới thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường, đặc biệt là đối với công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

5. Phát triển nguồn nhân lực:

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước mới và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ mới.

- Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh nhân, quản trị doanh nghiệp đủ kiến thức tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, công nghệ mới, biết dự báo và tiếp cận với thị trường để chủ động hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa.

- Nghiên cứu chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về tỉnh xây dựng và phát triển kinh tế;

đồng thời có chế độ ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình) để cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác; trước mắt, nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp kêu gọi các doanh nghiệp có năng lực về đầu tư tại Tỉnh.

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu với nước ngoài để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ... đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện đạt kết quả.

2. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

3. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thành phố; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và luật pháp của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Cao Bằng trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch. Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất Vùng và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Cao Bằng đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 282/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ CỦA TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 512/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN DỰ ÁN
I	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Đường Hồ Chí Minh (đoạn Pác Bó - thành phố Cao Bằng)
2	Nâng cấp tuyến QL 4C
3	Nâng cấp tuyến QL 4A
4	Nâng cấp tuyến QL 34
5	Nâng cấp QL 3 và tránh các đèo
6	Nghiên cứu việc xây dựng sân bay Cao Bằng
7	Xây dựng 04 trạm biến áp thuộc lưới điện 110 KV ở các huyện: Nguyên Bình, Bảo Lâm, Chu Trinh, Hòa An
8	Xây dựng mới 175 trạm biến áp phân phối 35/0,4 KV; 26 trạm biến áp phân phối 22(10)/0,4 KV
9	Nâng cấp 04 trạm biến áp cấp điện áp 10 KV sang cấp điện áp 35 KV. Cải tạo, nâng quy mô công suất của 04 trạm biến áp 110 KV gồm trạm Nguyên Bình, trạm Gang Thép, trạm Quảng Uyên và trạm Hòa An
10	Lắp máy biến áp T2 của trạm 220 KV Cao Bằng, công suất 125 MVA, nâng tổng quy mô công suất trạm lên 2x125 MVA
II	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH ĐẦU TƯ**
1	Dự án xây dựng các hồ chứa nước: Nà Lái, huyện Quảng Uyên; Khuổi Kỳ, huyện Hà Quảng; Khuổi Khoán, huyện Hòa An; Khuổi Vàng, huyện Thạch An; Khuổi Dáng, huyện Hòa An; Cốc Tả và công trình thủy lợi đầu mối xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc
2	Hệ thống thủy lợi xã Độc Lập, huyện Quảng Uyên; xã Đức Long, huyện Hòa An
3	Hệ thống hồ chứa nước huyện Trùng Khánh
4	Dự án thoát lũ Cao Xuyên, huyện Trà Lĩnh

STT	TÊN DỰ ÁN
5	Nâng cấp trạm bơm điện Miền Đông và các trạm bơm nước Miền Tây
6	Dự án khu tưới các hồ chứa Bản Nưa, Phe Gào, Nà Tấu, Khuổi Áng, Khuổi Lái, Bản Viết, các công trình đập dâng nước Bắc Trùng Khánh, Co Páo, Keng Mạ, Nà Ít
7	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Hồng Đại (đoạn K0 - K18); hệ thống thủy lợi xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh
8	Kè chống xói lở bờ sông Bằng khu vực thành phố Cao Bằng; kè chống xói lở bờ sông Bằng Giang, huyện Hòa An; kè chống xói lở bờ sông Bằng khu vực thị trấn Nước Hai huyện Hòa An (đoạn từ ngầm Bình Long ngược lên thượng nguồn); kè chống xói lở bờ sông Bắc Vọng, huyện Phục Hòa; kè suối Thị Hoa, huyện Hạ Lang; kè chống xói lở bờ sông Quây Sơn, huyện Hạ Lang; kè chống xói lở bờ sông Bắc Vọng xã Cách Linh, huyện Phục Hòa; kè chống xói lở bờ sông Quây Sơn, huyện Hạ Lang - Giai đoạn II; kè chống xói lở bờ sông Bắc Vọng - Giai đoạn 2
9	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trong lực lượng kiểm lâm tỉnh Cao Bằng; kiểm kê rừng tỉnh Cao Bằng; khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng
10	Dự án lâm sinh các huyện: Hòa An, Thạch An, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Uyên, Phục Hòa, Trà lĩnh, Hạ Lang, Hà Quảng, Thông Nông, Bảo Lâm
11	Dự án bảo vệ phát triển rừng
12	Dự án phát triển vùng nguyên liệu gỗ ván công nghiệp OKAL; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy chế biến gỗ, nhà máy chế biến giấy; Dự án rừng đặc dụng Phja Oắc - Phja Đén Nguyên Bình
13	Dự án mở rộng trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Cao Bằng
14	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh: ĐT.210, ĐT.206 (đoạn Quảng Uyên - Thác Bản Giốc), đường Sóc Giang - Bảo Lạc
15	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải rắn đô thị khu vực thành phố Cao Bằng và các vùng phụ cận; khu vực thị xã Thị xã Tà Lùng
16	Xây dựng hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Cao Bằng; hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt các thị trấn, thị tứ
17	Đầu tư xây dựng mới các trường mầm non; các trường trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú thành phố Cao Bằng; trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Phục Hòa; đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia

STT	TÊN DỰ ÁN
18	Dự án đầu tư trung tâm dạy nghề các huyện: Trùng Khánh, Hạ Lang, Trà Lĩnh, Nguyên Bình, Phục Hòa, Thạch An, Thông Nông, Bảo Lâm, Thành phố; Dự án đầu tư trung tâm dạy nghề kiểu mẫu Hòa An; Dự án đầu tư trung tâm dạy nghề dành riêng cho người khuyết tật
19	Dự án nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm Cao Bằng thành trường Cao đẳng Cao Bằng; nâng trường Trung cấp nghề cụm huyện miền Đông thành trường Cao đẳng nghề cụm huyện miền Đông; nâng cấp trung tâm dạy nghề Thành phố, trung tâm dạy nghề Thạch An và trung tâm dạy nghề huyện Phục Hòa thành trường Trung cấp nghề; nâng cấp và xây dựng mới trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng Y tế
20	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh, quy mô 500 giường bệnh; bệnh viện Y học cổ truyền lên 150 gường bệnh
21	Xây mới bệnh viện Lao và Bệnh phổi quy mô 100 giường bệnh; bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng quy mô 50 giường bệnh; bệnh viện Sản - Nhi quy mô 150 giường bệnh; bệnh viện Tâm thần quy mô 50 giường bệnh
22	Nâng cấp các bệnh viện đa khoa huyện; xây dựng 15 phòng khám đa khoa khu vực trọng điểm; xây mới, nâng cấp các trạm y tế xã; xây dựng 13 trung tâm y tế huyện, thành phố
23	Xây dựng trung tâm y tế dự phòng tỉnh; trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe; trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản; trung tâm phòng chống sốt rét; trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm
24	Nâng cấp trung tâm Nội tiết; nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền theo hướng bệnh viện đa khoa quy mô 200 giường bệnh; nâng cấp bệnh viện đa khoa Bảo Lạc, Hòa An, Quảng Uyên thành các bệnh viện đa khoa khu vực; nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện
25	Đầu tư xây dựng nhà Bảo tàng Tỉnh tại khu đô thị mới Đề Thám
26	Dự án bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử đền Kỳ Sầm xã Vĩnh Quang thành phố Cao Bằng tỉnh Cao Bằng
27	Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa tại các huyện; các nhà văn hóa thôn, xóm, nhà sinh hoạt cộng đồng
28	Dự án xây dựng nhà thi đấu Thể dục thể thao Tỉnh; Dự án xây dựng trung tâm thể dục, thể thao các huyện, thành phố Cao Bằng; Dự án xây dựng sân thể thao tại các trung tâm cụm xã

STT	TÊN DỰ ÁN
III	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
1	Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng
2	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa
3	Dự án tổ hợp mỏ - luyện kim Cao Bằng
4	Dự án chế biến quặng Bô xít
5	Dự án chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng từ lò đứng sang lò quay
6	Dự án rượu đặc sản, cồn và nước giải khát
7	Dự án chế biến lâm sản
8	Dự án luyện nhôm thỏi
9	Các Dự án sản xuất gạch không nung
10	Dự án chế biến bột giấy
11	Dự án chế biến trúc sào
12	Dự án xây dựng CSHT các khu, cụm CN
13	Các Dự án thủy điện vừa và nhỏ
14	Xây dựng chợ đầu mối tại thành phố Cao Bằng
15	Dự án khu du lịch tại Thác Bản Giốc; khu du lịch tại Pác Bó, huyện Hà Quảng; khu du lịch sinh thái Phja Đén, Phja Oắc, huyện Nguyên Bình
16	Phát triển khu du lịch văn hóa tâm linh kết hợp sinh thái, công viên vui chơi giải trí khu vực Kỳ Sầm, thành phố Cao Bằng
17	Xây dựng trung tâm thương mại tại thành phố Cao Bằng
18	Dự án phát triển du lịch Cao Bằng gắn với khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.